TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:09/2022/DS-ST
Ngày: 05/4/2022.
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm C:

- *Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thẩm phán

- *Các hội thẩm nhân dân*: 1. Bà Lê Thị Mỹ

2. Ông Nguyễn Quốc Hoàng

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Ngọc Tú – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá tham gia phiên tòa*: trường hợp không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 05 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2022/TLST- DS ngày 06 tháng 01 năm 2022 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-DS, ngày 14 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông **Trần Phát Đ**, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: số 277 khu phố 6, phường Vĩnh Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

-Bị đơn: Ông **Tô Văn C**, sinh năm: 1976.

Bà **Trần Thị Thúy D**, sinh năm: 1976

Địa chỉ: số D2-L20 Tuệ Tĩnh, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Hộ khẩu thường trú: 13A1 Đào Duy Từ, phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Người C quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Trần Thị Lanh**, sinh năm: 1984

Địa chỉ: số 277 khu phố 6, phường Vĩnh Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

(ông Đ, bà Lanh và ông C C mặt tại phiên tòa, bà D C đơn xin vắng mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn là ông Trần Phát Đ trình bày:***

Do quan hệ thân tình nên trong thời gian bắt đầu từ tháng 4 năm 2020 thì vợ chồng bà Trần Thị Thúy D C hỏi mượn tiền của ông nhiều lần và C tham gia chơi hụi do vợ ông là Trần Thị Lanh làm chủ hụi. Đến ngày 17/11/2021 hai bên chốt lại số nợ tổng cộng số tiền nợ bà D ông C nợ là 217.100.000 đồng tiền mượn và tiền nợ hụi 12.800.000 đồng. Vì bà D là em ruột của mẹ ông nên ông cho mượn không C tính lãi suất.

Để thống nhất số tiền vay nên ngày 17/11/2021 giữa ông và vợ chồng bà D C gặp nhau và làm văn bản đó là giấy biên nhận nợ. Trong giấy biên nhận này thể hiện rõ người vay là Trần Thị Thúy D và chồng bà D là ông Tô Văn C, số tiền vay là 229.900.000 đồng. Nay ông xác nhận trong số tiền nợ 229.900.000 đồng trong đó số tiền nợ hụi 12.800.000 đồng (ông chấp nhận bớt 400.000 đồng như trình bày của bị đơn) là còn 12.400.000 đồng, số tiền nợ vay là 217.100.000 đồng là đúng.

Tại phiên tòa:

Nay do số tiền nợ đã lâu và bà D ông C đã hứa hẹn nhiều lần nhưng không thực hiện. ông Đ yêu cầu bà D ông C trả ông số tiền nợ hụi là 12.400.000 đồng và tiền nợ mượn là 217.100.000 đồng, không đồng ý phương án trả nợ dần của bà D ông C mà yêu cầu trả một lần theo quy định pháp luật. Ông không yêu cầu tính lãi. Đối với số tiền hụi và tiền vay là tài sản của ông và bà Lanh nên nay bà Lành thống nhất để ông trực tiếp yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn ông Tô Văn C và bà Trần Thị Thúy D trình bày:

Bà D C quan hệ thân tình với ông Đ nên C hỏi vay tiền qua lại nhiều lần từ cách đây 02 năm. Mỗi lần bà D vay tiền thì lần mấy chục triệu nhưng không nhớ cụ thể: bắt đầu năm 2020 là vay 50.000.000 đồng; 01 lần 30.000.000 đồng, 01 lần 10.000.000 đồng, 01 lần 20.000.000 đồng, bà D nhớ tiền nợ vay gốc là 150.000.000 đồng và tiền nợ hụi là 16.000.000 đồng, tổng cộng 166.000.000 đồng. Lãi suất thỏa thuận C lần 10%/tháng và C lần 15%/tháng, trước đây C đóng lãi nhưng từ khi gặp dịch covid đến nay ông bà không C khả năng đóng lãi cho ông Đ nữa, nợ lãi từ tháng 4/2021 đến nay. Ngày 17/11/2021 ông bà C ký Biên nhận nợ với ông Đ, trong số tiền 229.900.000 đồng C cộng gộp cả tiền nợ lãi chưa đóng, nhưng không C chứng cứ chứng minh số tiền nợ lãi cộng gộp nên ông bà không yêu cầu tính lại. Sau đó ông bà C trả được một số ngày nhưng không nhớ rõ. Trong thời gian qua, ông Đ C cho người xuống nhà ông bà gây khó khăn và chọi nhớt vô nhà làm ảnh hưởng đến cuộc sống của của ông bà.

Nay ông bà thừa nhận C nợ ông Trần Phát Đ số tiền nợ 229.900.000 đồng theo biên nhận nợ đã ký. Do hiện nay hoàn cảnh khó khăn, vợ chồng thiếu nợ nhiều người nên không C khả năng trả một lần mà xin trả dần mỗi tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Tại phiên tòa ông Tô Văn C C ý kiến:

Ông thừa nhận còn nợ ông Trần Phát Đ số tiền 229.900.000 đồng, trong đó C 12.400.000 đồng tiền nợ hụi, còn lại là nợ vay gốc 150.000.000 đồng và nợ lãi cộng dồn trong đó nhưng ông và bà D không C chứng cứ để chứng minh làm rõ tiền gốc lãi này. Do đã ngưng đóng lãi cho nguyên đơn từ tháng 3/2021 đến nay gần 01 năm nên ông cũng không yêu cầu tính lại tiền lãi cộng gộp trong số nợ ông Đ khởi kiện. Ông chấp nhận ông và bà D sẽ trả số nợ theo yêu cầu của nguyên đơn là 229.500.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ vì hiện tại không còn tài sản và cũng còn nợ một số chủ nợ khác nữa.

- ***Người C quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Lanh C ý kiến***: Bà C làm chủ hụi và bà D C tham gia chơi hụi, sau đó còn nợ lại bà số tiền hụi chưa trả là 19.000.000 đồng, sau đó trả được nhiều lần hiện còn nợ 12.800.000 đồng, nhưng tại phiên tòa ông C xác nhận còn nợ 12.400.000 đồng thì bà cũng thống nhất bớt 400.000 đồng cho khớp với trình bày của bị đơn. Đối với số tiền nợ vay và nợ hụi là tài sản chung của vợ chồng nên bà đồng ý căn theo biên nhận nợ ông C bà D ký xác nhận với ông Đ để yêu cầu ông C bà D trả cho ông Đ, không yêu cầu buộc trả cho bà. Tại phiên tòa bà Lanh C ý kiến thống nhất với trình bày của ông Trần Phát Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu C trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Bị đơn cư trú tại số D2-L20 Tuệ Tĩnh, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá theo các Điều 26; Điều 35; Điều 36 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã thực hiện việc cấp tống Đ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bà Trần Thị Thúy D. Tuy nhiên, bà D C đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bà D.

[2] Về nội D vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn ông Đ với bị đơn ông C bà D là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi*". Cụ thể, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ vay 217.100.000 đồng và hụi là 12.400.000 đồng.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về số tiền nợ vay 217.100.000 đồng và hụi là 12.400.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: đối với số tiền nợ hụi 12.400.000 đồng được hai bên thống nhất xác nhận là bà D C tham gia chơi hụi và còn nợ lại bà Lanh ông Đ số tiền 12.400.000 đồng chưa trả; đối với số tiền nợ vay, bà D ông C cho rằng trong số tiền 217.100.000 đồng C tiền vay gốc và tiền nợ lãi cộng gộp nhưng không C chứng cứ chứng minh. Trong suốt qua trình tố tụng và tại phiên tòa ông C thừa nhận và chấp nhận trả số tiền nợ theo khởi kiện của ông Đ vì cũng đã ngưng đóng tiền lãi cho ông Đ hơn 01 năm nay. Căn cứ Biên nhận nợ ngày 17/11/2021 và lời trình bày của các bên đương sự, thấy rằng, hai bên đã tự nguyện xác lập giao dịch, nội D không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên bà D và ông C đã nhận tiền bằng giao dịch vay tài sản và nợ tiền hụi, thì phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 463; Điều 466; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 16 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hụi, họ, biêu phường. Do bà Trần Thị Lanh và ông Trần Phát Đ thống nhất cho ông Đ là người đứng tên khởi kiện và đòi nợ phù hợp với Biên nhận nợ ngày 17/11/2021 nên Hội đồng xét xử chấp nhận vấn đề này. Buộc bà Trần Thị Thúy D và ông Tô Văn C phải trả cho ông Trần Phát Đ số tiền nợ vay là 217.100.000 đồng và tiền hụi là 12.400.000 đồng, tổng cộng 229.500.000 đồng. Đối với tiền lãi ông Đ không yêu cầu và bị đơn cũng không yêu cầu tính lại tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với yêu cầu trả nợ dần của bị đơn, nguyên đơn không chấp nhận. Xét thấy, yêu cầu này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án, án phí bị đơn bà Trần Thị Thúy D và ông Tô Văn C phải nộp là:

229.500.000 đồng x 5% = 11.475.000 đồng (mười một triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Ông Trần Phát Đ được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 5.725.000 đồng theo biên lai thu số 0001941, ngày 31/12/2021 của chi cục thi hành án dân sự Thành phố Rạch Giá.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26; 35; 36; 39; 147; khoản 1 Điều 227; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 463; Điều 466; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hụi, họ, biêu phường;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Phát Đ về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi" với bị đơn là bà Trần Thị Thúy D và ông Tô Văn C.

Buộc bà Trần Thị Thúy D và ông Tô Văn C C trách nhiệm trả cho ông Trần Phát Đ số tiền nợ vay nợ vay là 217.100.000 đồng và tiền hụi là 12.400.000 đồng, tổng cộng 229.500.000 (hai trăm hai mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng).

Hai bên trực tiếp giao nhận tiền hoặc giao nhận tiền tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá.

Kể từ ngày nguyên đơn C đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm thực hiện trả nợ thì còn phải chịu mức tiền lãi chậm trả quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi trả dứt số nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm dân sự sơ thẩm C giá ngạch:

Bà Trần Thị Thúy D và ông Tô Văn C phải nộp án phí 11.475.000 đồng (mười một triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Ông Trần Phát Đ được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 5.725.000 đồng theo biên lai thu số 0001941, ngày 31/12/2021 của chi cục thi hành án dân sự Thành phố Rạch Giá.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05/4/2022). Riêng đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày Tòa án tống Đ Bản án hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự C quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá;*
- *Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá;*
- *Các đương sự ;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá;*
- *Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá;*
- *Các đương sự ;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

Báo cho các đương sự biết C quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05-3-2020).